

Bản án số: 80/2018/HC-PT
Ngày 06 – 4 – 2018
“V/v khiếu kiện QĐHC về QLĐĐ
trong trường hợp hỗ trợ, di dời
diện tích”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Lý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Phạm Văn Nhân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở (cơ sở 2 Gò Vấp), Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 378/2017/TLPT-HC ngày 31 tháng 10 năm 2017 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp hỗ trợ, di dời diện tích”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 760/2017/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 152/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1943;

Địa chỉ: đường Đ, phường B, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trịnh Đắc M, sinh năm 1964.

Địa chỉ: phường Y, quận B, thành phố Hồ Chí Minh – có mặt (theo giấy ủy quyền ngày 29/12/2015).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu vắng mặt từ cấp sơ thẩm).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phan Ngọc Anh H, sinh năm 1975 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ủy ban nhân dân quận B.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Phan Ngọc Anh H, sinh năm 1975 (có mặt – theo văn bản ủy quyền số 107/GUQ-UBND ngày 21/12/2016).

3.2/ Bà Phạm Thị Kim K.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Trịnh Đắc M, sinh năm 1964.

Địa chỉ: phường Y, quận B, thành phố Hồ Chí Minh – có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 05/4/2018).

4. Người kháng cáo: Bà Vũ Thị Q – là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 05/02/2008, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số: 616/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên tại phường 19, 21, 22 và 25, quận B. Đến ngày 10/6/2009, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số: 2917/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định 616 về tên các tổ chức ảnh hưởng đến dự án.

Ngày 15/4/2009, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số: 2587/QĐ-UBND về phê duyệt Phương án số: 109/PA-UBND ngày 13/4/2009 và dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 24/3/2014, Ủy ban nhân dân quận B có Quyết định số: 1812/QĐ-UBND về việc hỗ trợ thu dọn, di dời diện tích 1.300m² rau muống do bà Phạm Thị Kim K - bà Vũ Thị Q canh tác trên rạch Văn Thánh, quận B với số tiền là 15.600.000 đồng. Ngày 21/8/2014, Ủy ban quận B có Quyết định số: 6112/QĐ-UBND về việc bổ sung hỗ trợ thu dọn, di dời cho bà K và bà Q với số tiền 10.400.000 đồng.

Nhận được Quyết định 1812, bà Q đã khiếu nại đề nghị được hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư đối với phần diện tích 1.300m² rau muống trên rạch và hỗ trợ đám rau muống với giá 100.000đồng/m².

Ngày 14/02/2015, Chủ tịch Ủy ban quận B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số: 1073/QĐ-UBND không công nhận nội dung khiếu nại của bà Vũ Thị Q. Không đồng ý nên bà Q tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố.

Ngày 06/7/2015, Chủ tịch Ủy ban thành phố ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số: 3317/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của bà Q, công nhận và giữ nguyên Quyết định số: 1073/QĐ-UBND.

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2016, người khởi kiện bà Vũ Thị Q trình bày: Bà yêu cầu hủy Quyết định số: 3317/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân

dân thành phố với lý do diện tích 1.300m² rau muống được chủ cũ sử dụng canh tác trước ngày 15/10/1993, đến năm 2002 mới chuyển nhượng lại cho bà và bà K theo Giấy sang nhượng hoa màu ngày 25/02/2002, bà và bà K sử dụng liên tục từ ngày nhận chuyển nhượng cho đến ngày bị thu hồi, không có ai tranh chấp; Phần diện tích này được bao quanh hết $\frac{3}{4}$ là đất ao nên là ao chứ không phải là rạch. Việc Ủy ban nhân dân quận B xác định phần diện tích là rạch để không giải quyết hỗ trợ hoa màu theo đơn giá 100.000đ/m² và không bồi thường, hỗ trợ bằng 30% giá đất ao hồ liền kề khu dân cư là không đúng với quy định của Luật Đất đai năm 2003; Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định 84, Nghị định 69 và Nghị định 181 của Chính phủ.

** Tại Văn bản số: 7707/UBND-NCPC ngày 29/12/2016, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q như sau: Tại Biên bản tiếp xúc ngày 12/3/2014 giữa Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B và bà K, bà Q đã thống nhất với vị trí trên bản đồ đính kèm với diện tích canh tác rau muống trong ranh giải tỏa là 1.300m².*

Căn cứ Bản đồ địa hình chụp năm 1982; Điều ảnh thực tế năm 1988 thể hiện phần lớn thửa số 94 là rạch và rau trên rạch. Theo tài liệu 299/TTg trên nền bản đồ địa chính phường 22 lập năm 2002 thì phần lớn thửa 94 có hiện trạng là rạch và hồ Văn Thánh.

Ủy ban quận B xác định phần diện tích bà Q sử dụng canh tác rau muống là rạch không phải là đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư và tính đơn giá hỗ trợ rau muống 20.000 đồng/m² là đúng quy định. Yêu cầu khởi kiện của bà Q không có cơ sở, đề nghị Tòa án xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định số: 3317/QĐ-UBND.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận B có ông Phan Ngọc Anh H đại diện trình bày: Theo Giấy nhận tiền cọc ngày 29/3/2002 thì giữa bà Nguyễn Thị H1, bà Phạm Thị Kim K và bà Vũ Thị Q có thỏa thuận việc chuyển nhượng đám rau muống với diện tích 1.950m². Theo bản vẽ hiện trạng và tài liệu 299/TTg thì phần diện tích do bà K và bà Q sử dụng canh tác trồng rau muống nằm trong ranh giải tỏa dự án xây dựng tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên là 1.300m² là một phần thửa số 94, tờ bản đồ số 1, phường 22, quận B, thuộc rạch và hồ Văn Thánh, là đất công do nhà nước quản lý.*

Căn cứ vào các văn bản: Quyết định 616; Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Phương án 109/PA-UBND ngày 13/4/2009; Công văn 6796/UBND-ĐTMT ngày 18/12/2013 của Ủy ban Thành phố quy định về giải quyết khiếu nại của một số hộ dân tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 1, Phường 22 quận B trong dự án xây dựng tuyến Metro số 1; Công văn số 1753/UBND-ĐTMT ngày 24/4/2014 của Ủy ban Thành phố về áp dụng đơn giá hỗ trợ thiệt hại hoa màu tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 1; Công văn 243/HĐTĐBT-KTĐ ngày 17/4/2014 của Sở tài nguyên và Môi trường về kiến nghị áp dụng đơn giá hỗ trợ hoa màu (rau muống) tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu 299/TTg tại phường 22, quận B thuộc dự án

xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên. Ủy ban quận B ban hành Quyết định số: 1812/QĐ-UBND và số: 6112/QĐ-UBND về việc hỗ trợ và bổ sung hỗ trợ thu dọn, di dời diện tích rau muống với tổng số tiền $1.300\text{m}^2 \times 20.000 \text{ đồng} = 26.000.000 \text{ đồng}$. Không đồng ý với đơn giá 20.000 đồng/m^2 bà Q khiếu nại tại Ủy ban quận B và Ủy ban Thành phố yêu cầu hỗ trợ theo đơn giá 100.000 đồng/m^2 rau muống và bằng 30% đơn giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư. Tại Quyết định số: 1073/QĐ-UBND Chủ tịch Ủy ban quận B không công nhận nội dung khiếu nại và tại Quyết định số: 3317/QĐ-UBND Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã công nhận và giữ nguyên Quyết định số: 1073/QĐ-UBND.

Việc hỗ trợ thu dọn, di dời đối với diện tích rau muống do bà Q canh tác trên rạch Văn Thánh Chủ tịch Ủy ban quận B đã giải quyết đúng theo tinh thần các văn bản trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim K có ông Trịnh Đắc M đại diện trình bày:* Bà K thống nhất với các lời trình bày của bà Q.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 760/2017/HC-ST ngày 22/6/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Q về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 3317/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/7/2017, người khởi kiện là bà Vũ Thị Q làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo; các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Q và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Năm 2008, thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số: 616/QĐ-UBND thu hồi đất một số khu vực thuộc phường 19, 21, 22 và 25 quận B, trong đó có 1.300m^2 vị trí bà Vũ Thị Q và Phạm Thị Kim K đang trồng rau muống. Ngày 24/3/2014, Ủy ban nhân dân quận B ban hành quyết định số: 1812/QĐ-UBND về việc hỗ trợ thu dọn, di dời diện tích 1.300m^2 rau muống do bà K và bà Q canh tác trên rạch Văn Thánh, quận B với số tiền 15.600.000 đồng, đến ngày 21/8/2014 Ủy ban nhân dân quận B ban hành tiếp quyết định số: 6112/QĐ-UBND về việc bổ sung hỗ trợ thu dọn, di dời cho bà K và bà Q số tiền 10.400.000 đồng.

Không đồng ý với việc bồi thường như trên nên bà Vũ Thị Q khiếu nại. Ngày 14/02/2015, Chủ tịch UBND quận B giải quyết khiếu nại lần đầu (quyết định số: 1073/QĐ-UBND) và ngày 06/7/2015 Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh giải quyết khiếu nại lần 2 (quyết định số: 3317/QĐ-UBND), cả 2 quyết định trên đều bác đơn khiếu nại của bà Vũ Thị Q nên bà Q khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại số: 3317/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Căn cứ Biên bản tiếp xúc do Tổ công tác thuộc Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B lập ngày 12/3/2014, căn cứ theo Bản đồ địa hình chụp năm 1982, Điều ảnh thực tế năm 1988, tài liệu đất đai theo Chỉ thị 299/TTg, Văn bản số: 35/UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân phường 22, quận B thì toàn bộ thửa số 94 tờ bản đồ số 1, phường 22, quận B có diện tích 64.840m², trong đó có 1.300m² bà Q và bà K trồng rau muống trên mặt nước là rạch và hồ Văn Thánh, là đất công do nhà nước quản lý từ trước đến nay.

[3] Dự án tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên được thực hiện từ năm 2008, trước khi thực hiện thì bà Q đã được thông báo thu dọn trước nên không có thiệt hại thực tế về hoa màu. Bà Q cho rằng diện tích 1.300m² bà trồng rau muống có nguồn gốc do bà Hóa khai thác trồng rau trước năm 1975, năm 2002 bà sang nhượng lại và tiếp tục trồng rau đến nay nên được xem là đất nông nghiệp, nhà nước thu hồi thực hiện dự án thì phải bồi thường, hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư. Tuy nhiên, xét bà Q không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh diện tích bà trồng rau muống là đất nông nghiệp, quá trình sử dụng bà hoàn toàn không có kê khai đăng ký. Theo giấy tay sang nhượng hoa màu ngày 25/02/2002 và giấy nhận cọc ngày 29/02/2002 bà xuất trình cũng thể hiện là chuyển nhượng hoa màu chứ không phải là chuyển nhượng đất rạch hay ao hồ. Từ khi sang nhượng đến khi bị thu hồi bà cũng chỉ trồng rau muống trên mặt nước chứ không có san lấp, không có chuyển mục đích sử dụng làm đất ở hoặc kê khai xác định đất nông nghiệp, ao hồ. Theo các tài liệu về quản lý đất đai của địa phương quận B thì toàn bộ diện tích trên là rạch và hồ Văn Thánh, theo Luật đất đai là đất do nhà nước quản lý, nên yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ theo diện đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án của bà Q là không có căn cứ, Chủ tịch UBND quận B và Chủ tịch UBND thành phố giải quyết bác khiếu nại của bà Q là đúng đắn.

[4] Bà Vũ Thị Q khởi kiện yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Q là đúng pháp luật. Bà Q kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, quyết định của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Vũ Thị Q và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Q về việc yêu cầu hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số: 3317/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị Q phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Khấu trừ tạm ứng án phí bà Q đã nộp gồm 200.000 đồng theo biên lai số AE/2011/03111 ngày 15/7/2016 và 300.000 đồng theo biên lai số 0047248 ngày 20/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. HCM;
- Người khởi kiện (1);
- Người bị kiện (1);
- NLQ (2);
- Lưu VP (3), HS (2), 14b (Ấn-22)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Công Lý